TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bảy.
2. Ông Lê Văn Biên.

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 10/5/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Văn S, tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 4 năm 1996, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn Đ, sinh năm 1970, con bà Lữ Thị H, sinh năm 1971; vợ: Vi Thị T (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Đình D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1986, tại thị xã H, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình S, sinh năm 1959, con bà Lê Thị P, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/11/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã H xử phạt 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) về tội "Đánh bạc" tại bản án số 72/2014/HSST, chấp hành xong bản án ngày 19/3/2015; ngày 09/4/2019 bị Công an thị xã H, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khoẻ của người khác" số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trưm nghìn đồng), chấp hành xong quyết định ngày 20/4/2019; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn S: Bà Tạ Thị An – Trợ giúp viên pháp lý - Công tác tại Chi nhánh số 2 - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ

An (thay thế bà Phan Thị Thanh theo quyết định về việc thay thế Trợ giúp viên tham gia tố tụng số 05/QĐ-TGPL ngày 12/5/2023 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An) (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lương Văn H, sinh năm 1994.

Trú tại: Bản B, xã Châu T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người chứng kiến: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1997.

Trú tại: Khối M, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 26/02/2023, Nguyễn Đình D đang trên đường đi làm về thì có một người phụ nữ D đã từng gặp vài lần (không biết tên, tuổi địa chỉ) dùng tài khoản Messenger chữ Trung Quốc nhắn tin đến tài khoản Messenger "Đình D D" của D hỏi mua 100 viên ma túy hồng phiến, D bảo với người phụ nữ này "*để nhờ thằng S làm cùng trên lò than hỏi xem*". Khoảng 18 giờ cùng ngày, D dùng tài khoản messenger "Đình D Dũng" nhắn tin đến tài khoản "Sơn S" của Lương Văn S hỏi Sơn có lấy được hồng phiến không, lấy 100 viên ma túy hồng phiến cho người phụ nữ D quen thì S nói để hỏi xem ngoài Thanh Hóa đã. S dùng tài khoản "Sơn S" gọi điện cho một người tên T có tài khoản mesenger "Toàn L" trú tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để hỏi mua 100 viên ma túy hồng phiến nhưng T nói không có, S tiếp tục hỏi có 70 viên không thì T nói có và bán cho Sơn với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Đến khoảng 12 giờ ngày 28/2/2023, Toàn gói 70 viên ma túy màu hồng và 03 viên ma túy màu xanh gói kín để trong hộp măng chua gửi cho S qua xe khách (không nhớ tên xe), Sơn lấy ma túy ở khu vực đường quốc lộ 48D, nơi rẽ vào khu vực lò đốt than S đang làm việc. Nhận ma túy xong, S gửi số tiền 2.000.000 đồng cho T thông qua nhà xe. Khoảng 16 giờ cùng ngày, người phụ nữ trên tiếp tục nhắn tin mesenger cho D nhờ Dũng mua 70 viên ma túy hồng phiến, sau đó D nhắn tin bảo Sơn nội dung trên thì S đồng ý bán 70 viên ma túy hồng phiến với giá 3.700.000 đồng (ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). D nhắn tin báo giá với người phụ nữ trên và gửi số tài khoản Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) số 3624205303xxx của S để người phụ nữ đó thanh toán tiền mua ma túy cho S. Sau đó, D cho người phụ nữ trên facebook và số điện thoại của S để hai bên tự giao dịch trao đổi. Đến 19 giờ cùng ngày, S lấy gói ni lông màu xanh bên trong chứa 70 viên ma túy màu hồng và 03 viên ma túy màu xanh rồi điều khiển xe mô tô biển số 37G1- 124.xx xuống cây xăng gần khách sạn Sông H (thuộc khối B, phường Q, thị xã H) để giao ma túy cho người phụ nữ. Đến chỗ hẹn, người phụ nữ gọi điện cho S và hai bên thống nhất giao ma túy ở chỗ cột điện, nằm giữa khách sạn Sông H và cây xăng. Đợi một lúc lâu

không thấy người phụ nữ chuyển tiền nên S nhắn tin cho D bảo người phụ nữ chuyển tiền để giao ma túy thì D nhắn tin lại cho S gửi hình ảnh tin nhắn người phụ nữ nói mạng ngân hàng bị lỗi và hỏi Sơn có tài khoản ngân hàng khác không. Sơn nhắn tin số tài khoản Ngân hàng thương mại kỹ thương Việt Nam (Techcombank) số 19033058614xxx của Sơn cho D để D nhắn với người phụ nữ này. Đợi một lúc thì người phụ nữ đó gửi hình ảnh đã gửi tiền thành công cho D và D chuyển tiếp cho S và nói "*nó chuyển tiền rồi nhé*", sau đó, D nhắn với S người phụ nữ sẽ cho Sơn thêm 200.000 đồng vì đợi lâu. Một lúc sau, S được nhận thêm 200.000 đồng vào tài khoản trên Ngân hàng Techcombank của Sơn. Sau khi nhận được tiền bán ma túy, Sơn bỏ gói ma túy trong bao thuốc lá Thăng Long ở mép chân cột điện và quay trở lại xe mô tô cách đó khoảng 02m ngồi đợi người phụ nữ đến lấy ma túy. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, khi đang ngồi đợi thì bị lực lượng Công an thị xã H kiểm tra, phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng và tạm giữ của Lương Văn S 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô biển số 37G1- 124.30.

Ngày 01/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Đình D, tạm giữ của Nguyễn Đình D 01 điện thoại di động.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại ngày 28/02/2023 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã H xác định: 70 (bảy mươi) viên niên nén hình tròn bằng chất bột màu hồng có khối lượng 7,35 gam (một phẩy hai gam) sau khi đã loại bỏ bao bì; 03 (ba) viên nén hình tròn bằng chất bột màu xanh có khối lượng 0,3 gam (không phẩy ba gam) sau khi đã loại bỏ bao bì.

Tại kết luận luận định số 278/KL-KTHS(Đ2-MT) ngày 07/3/2023, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu viên nén hình tròn bằng chất bột màu hồng (ký hiệu M1) và mẫu viên nén hình tròn bằng chất bột màu xanh (ký hiệu M2) thu giữ của Lương Văn S gửi đến giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine. Số viên nén hình tròn bằng chất bột màu hồng và số viên nén hình tròn bằng chất bột màu xanh thu giữ của Lương Văn Sơn có tổng khối lượng 7,65 gam (bảy phẩy sáu mươi lăm gam).

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSHM ngày 04 tháng 5 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố các bị cáo Lương Văn S, Nguyễn Đình D về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 251 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm i khoản 2 điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Lương Văn S từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 106 – BLTTHS; Điều 47 – BLHS: Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu vàng đen, số IMEL 1: 869945062958539, số IMEL 2: 3869945062958521 có số thuê bao 033.729.3xxx, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Lương Văn S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, đã được thay vỏ ngoài là Iphone 12 pro màu xanh, số IMEL 1: 353067106930706, số IMEL 2: 353067106948716 có số thuê bao 0765.372.xxx, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đình D.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì bưu điện viền xanh đỏ kích thước (12x18)cm được niêm phong, bên trong có vỏ bao niêm phong cũ, vỏ bao thuốc lá, vỏ gói ni long màu xanh, chất ma túy (Methamphetamine) màu hồng có khối lượng 4,52 gam (bốn phẩy năm mươi hai gam) và 01 viên nén ma túy (Methamphetamine) màu xanh có khối lượng 0,1 gam (không phẩy một gam) (số ma tuý còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Đối với vật chứng khác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Biện pháp tư pháp:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS: Truy thu từ bị cáo S số tiền 2.00.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) do bị cáo S thu lợi bất chính, để tịch thu sung quỹ Nhà nước

Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu án phí HSST theo luật định. Miễn án phí HSST cho bị cáo S.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn S tranh luận: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo S có nhân thân tốt, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm i khoản 2 điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Lương Văn S từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo S không bổ sung gì thêm.

Đối với các vấn đề khác, người bào chữa cho bị cáo S không tranh luận gì thêm Bị cáo không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo S không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bào chữa

cho bị cáo Sơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 20 giờ 20 phút, ngày 28/02/2023, tại khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An cùng vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Thông qua vai trò giới thiệu, liên lạc, giúp sức của Nguyễn Đình D với người mua ma tuý thì khoảng 20 giờ 20 phút ngày 28/02/2023, tại khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, Lương Văn S đã có hành vi bán 70 viên ma túy màu hồng và 03 viên ma túy màu xanh đều là ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 7,65 gam (bảy phẩy sáu mươi lăm gam) cho một người phụ nữ không quen biết nhằm mục đích kiếm lời thì bị Công an thị xã H bắt quả tang. Nên hành vi của các bị cáo Lương Văn S, Nguyễn Đình D đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 - BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma tuý mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tác hại cho sức khỏe của con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân gây ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi "Mua bán trái phép chất ma tuý" là bị pháp luật nghiên cấm và trừng trị nhưng với mục đích kiếm lời nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau cho việc thực hiện hành vi phạm tội nên vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo S là người trực tiếp mua ma tuý về bán kiếm lời nên bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo D do đã được bị cáo S cho sử dụng ma túy trước đó và khi bán được ma túy thì S tiếp tục cho bị cáo sử dụng ma túy nên khi có người phụ nữ liên lạc hỏi mua ma tuý thì D đã trực tiếp liên lạc trao đổi, kết nối giữa bị cáo S với người mua ma tuý, giúp sức cho bị cáo S thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý. Do đó bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo S trong vụ án.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo D có nhân thân xấu, năm 2014, bị Tòa án nhân dân thị xã H xử phạt 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) về tội "Đánh bạc"; năm 2019 bị Công an thị xã H, tỉnh Nghệ

An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại sức khoẻ của người khác". Tuy đã đương nhiên được xoá án tích và đã hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng bị cáo D không lấy đó làm bài học tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do đó cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - BLHS.

[6] Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho tất cả các bị cáo.

[8] Vật chứng vụ án: Quá trình bắt giữ các bị cáo, Công an thị xã Hoàng Mai đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu vàng đen, số IMEL 1: 869945062958539, số IMEL 2: 3869945062958521 có số thuê bao 033.729.3xxx, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Lương Văn S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, đã được thay vỏ ngoài là Iphone 12 pro màu xanh, số IMEL 1: 353067106930706, số IMEL 2: 353067106948716 có số thuê bao 0765.372.xxx, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đình D. Xét đây là vật chứng do các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS.

Đối với 01 (một) phong bì bưu điện viền xanh đỏ kích thước (12x18)cm được niêm phong, bên trong có vỏ bao niêm phong cũ, vỏ bao thuốc lá, vỏ gói ni long màu xanh, chất ma túy (Methamphetamine) màu hồng có khối lượng 4,52 gam (bốn phẩy năm mươi hai gam) và 01 viên nén ma túy (Methamphetamine) màu xanh có khối lượng 0,1 gam (không phẩy một gam) (số ma tuý còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định) cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm c khoản 1 Điều 47 - BLHS.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 37D1-124.xx, số máy E3X9E395381, số khung 3240JY143383, xe đã qua sử dụng thu giữ của Lương Văn S. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của anh Lương Văn H, anh H cho Sơn mượn xe mô tô nhưng không biết S sử

dụng xe để bán ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Lương Văn H đúng quy định nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Biện pháp tư pháp: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lương Văn S đã thu lợi bất chính số tiền 2.00.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) từ việc bán ma túy. Do đó cần truy thu số tiền trên để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS.

Đối với số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) mà các bị cáo khai người phụ nữ mua ma tuý đã gửi hình ảnh đã chuyển tiền cho bị cáo D, sau đó bị cáo D chuyển hình ảnh đó cho bị cáo S thấy rằng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã H đã tiến hành sao kê các tài khoản Ngân hàng của bị cáo S không có số tiền 3.700.000 đồng do người phụ nữ mua ma tuý chuyển. Do đó không có căn cứ để truy thu số tiền trên.

[10] Đối với người tên đàn ông tên T bán ma túy cho S và người phụ nữ mua ma túy của S. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa do không xác định được lai lịch củ thể nên không có cơ sở xử lý.

Đối với anh Lương Văn H không biết Lương Văn S mượn xe mô tô của mình để đi bán ma túy nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Ngọc T đã có hành vi chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản của T vào tài khoản của Lương Văn S. Tuy nhiên anh T không biết giao dịch chuyển tiền trên liên quan đến hành vi mua bán ma túy nên anh T không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu án phí HSST theo luật định.

Xét bị cáo Lương Văn S gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí, do đó miễn án phí HSST cho bị cáo S theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/02/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 07 (bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/3/2023.

Về vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS: Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu vàng đen, số IMEL 1: 869945062958539, số IMEL 2: 3869945062958521 có số thuê bao 033.729.3xxx, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Lương Văn S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, đã được thay vỏ ngoài là Iphone 12 pro màu xanh, số IMEL 1: 353067106930706, số IMEL 2: 353067106948716 có số thuê bao 0765.372.xxx, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đình D.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì bưu điện viền xanh đỏ kích thước (12x18)cm được niêm phong, bên trong có vỏ bao niêm phong cũ, vỏ bao thuốc lá, vỏ gói ni long màu xanh, chất ma túy (Methamphetamine) màu hồng có khối lượng 4,52 gam (bốn phẩy năm mươi hai gam) và 01 viên nén ma túy (Methamphetamine) màu xanh có khối lượng 0,1 gam (không phẩy một gam) (số ma tuý còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa Công an thị xã Hoàng Mai và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 – BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS: Truy thu từ bị cáo Lương Văn S số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) do bị cáo S thu lợi bất chính, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST. Miễn án phí HSST cho bị cáo Lương Văn S.

Án xử công khai sơ thẩm tất cả các bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Hoàng Mai;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Diên